

NHỮNG BÀI HỌC TỪ HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM NĂM 1973 VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Hoàng Văn Hiến¹, Võ Trần Ngọc Minh²

¹ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Đại học Huế

Email: hvhien@hueuni.edu.vn, vtnminh@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/11/2022; ngày hoàn thành phần biên: 15/12/2022; ngày duyệt đăng: 22/12/2022

TÓM TẮT

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam năm 1973 là đỉnh cao của mặt trận đấu tranh ngoại giao trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, là một sự kiện có ý nghĩa quốc tế rộng lớn.

Nhìn lại sự kiện lịch sử Hiệp định Paris với cách phân tích, luận giải, đánh giá vấn đề độc lập, bài viết rút ra những bài học quan trọng và thiết nghĩ có thể vận dụng vào việc xử lý các vấn đề đối ngoại trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Hiệp định Paris 1973, sự vận dụng, Việt Nam.

Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam năm 1973 là đỉnh cao của mặt trận đấu tranh ngoại giao trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Hội nghị 4 bên về Việt Nam tại Paris gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam (về sau là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa đã diễn ra hết sức gay go, phức tạp, trải qua 202 phiên họp công khai, 45 cuộc họp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn và đã có hàng nghìn cuộc mít tinh chống chiến tranh, ủng hộ Việt Nam trong thời gian 4 năm 9 tháng (từ 13/5/1968 đến 27/01/1973).

Hiệp định Paris được ký kết là kết quả của hơn 18 năm đấu tranh của dân tộc Việt Nam, là cơ sở chính trị và pháp lý rất quan trọng buộc Mỹ phải thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam. Điều đó có ý nghĩa cơ bản là Mỹ và các nước thân Mỹ không còn lý do để ở lại miền Nam. “*Mỹ rút*”, chính quyền và quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa và suy yếu hẳn về thế và lực. Trong khi đó, lực lượng cách mạng vẫn giữ nguyên vẹn và lớn mạnh không

ngừng ở cả hai miền đất nước... Tất cả “*tạo điều kiện quyết định để nhân dân ta tiếp tục tranh đấu toàn thắng bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 sau đó*” [3, tr.201].

Về ý nghĩa quốc tế, Hiệp định Paris “*phản ánh được ở mức cao thắng lợi và xu thế cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong bối cảnh quốc tế có thuận lợi nhưng cũng phức tạp*” [1, tr.266]. Hiệp định ghi nhận sự thất bại hoàn toàn của Mỹ về chính trị, quân sự, ngoại giao trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và đẩy Mỹ vào xu thế rút lui quân sự khỏi Đông Dương với việc chấm dứt dính líu quân sự, rút khỏi Lào, trực tiếp đưa đến một giải pháp về Lào đầu năm 1973; chấm dứt ném bom Campuchia (8/1973) góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng hai nước Lào và Campuchia. Mặt khác, thắng lợi của Hiệp định góp phần mở ra một chương mới trong cục diện Đông Nam Á. Với sự kiện Mỹ rút lui về quân sự khỏi Đông Dương và Đông Nam Á, khối Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) và khối quân sự ANZUS (Nam Thái Bình Dương) bị vô hiệu hóa dẫn đến phá sản và “*xu thế hòa bình, trung lập tích cực phát triển mạnh mẽ mở ra khả năng thiết lập một khu vực hòa bình, hữu nghị, ổn định và xóa bỏ ngăn cách, đối lập giữa Đông Dương với cộng đồng các nước Đông Nam Á và các nước khác ở châu Á*” [5, tr.14].

Cội nguồn thắng lợi của Hiệp định Paris về Việt Nam là do “*sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trí tuệ của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam, dựa vào chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc*” [8], “*đã phản ánh sự trưởng thành của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại theo hướng độc lập, tự chủ*” [6, tr.298]. Hội nghị Paris và Hiệp định Paris do vậy “*là mốc son trong trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam*”¹.

Ngày nay, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của ngoại giao thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, “*ngoại giao thời kỳ hội nhập quốc tế và phát triển đất nước tiếp tục là một “mặt trận...”*” [14]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) với đường lối Đổi mới đất nước đã chỉ rõ: Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, trong đó, có nhiệm vụ quan trọng là *phá thế bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch và mở rộng quan hệ đối ngoại*. Với thế và lực sau 35 năm Đổi mới, trong bối cảnh mới, Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021) đã khẳng định rõ Việt Nam cần tiếp tục kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Đây là: “*Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao*

1. Phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ngày 25/01/2013, tại Lễ kỷ niệm 40 năm ký Hiệp định Paris.

vị thế và uy tín của đất nước”; “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia”. Về quan hệ song phương, chúng ta cần tiếp tục đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu, đồng thời cần “tạo thế đan xen lợi ích” và “tăng độ tin cậy”, về quan hệ đa phương cần “chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế”, và “trong những vấn đề, các cơ chế quan trọng, có tầm chiến lược đối với lợi ích Việt Nam, phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể”, đồng thời luôn “chủ động thích ứng trước chuyển biến của tình hình” [2].

Nhìn lại sự kiện lịch sử Hiệp định Paris, chúng ta đã rút ra nhiều bài học quan trọng và thiết nghĩ có thể vận dụng vào việc xử lý các vấn đề đối ngoại trong giai đoạn hiện nay. Để làm được điều này, các bài học đó cần được nghiên cứu thấu đáo và vận dụng một cách phù hợp nhằm tiếp tục thúc đẩy đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn nữa với các hướng cụ thể sau:

1. KIÊN ĐỊNH QUAN ĐIỂM ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TRONG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRÊN CƠ SỞ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGOẠI GIAO

Như đã trình bày, Việt Nam bước vào đàm phán với Mỹ trong tình hình quốc tế tuy có thuận lợi nhưng cũng hết sức phức tạp, đây là cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai phe vẫn diễn ra gay gắt, quan hệ giữa hai nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc căng thẳng, thậm chí xảy ra xung đột quân sự ở biên giới hai nước (1969), phong trào cách mạng thế giới khủng hoảng về đường lối, quan điểm...

Rút kinh nghiệm từ những hạn chế trong Hội nghị Genève năm 1954 (*bị chi phối bởi các nước lớn vì những lợi ích riêng của họ, chưa có kinh nghiệm đàm phán đa phương...*), trong Hội nghị Paris, Việt Nam vừa tranh thủ sự ủng hộ quốc tế (*nhất là với Liên Xô và Trung Quốc*) một cách khôn khéo, vừa kiên định quan điểm độc lập tự chủ về đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong kế hoạch, phương án đánh - đàm với Mỹ. Cụ thể là: *“Các nước anh em bạn bè góp ý, ta trân trọng, tham khảo nhưng ta tự quyết định phương sách giành thắng lợi của ta, tự ta quyết định thời cơ bắt đầu, bước đi bài bản của đàm phán. Đầu năm 1965, 14 nước không liên kết kêu gọi ta ngồi nói chuyện với Mỹ. Ta giải thích để họ hiểu. Với các gợi ý của Liên Xô về tiếp xúc, ta trao đổi chân tình để bạn ủng hộ lập trường của ta. Đầu năm 1968, dù Trung Quốc phản đối, ta vẫn đi vào đàm phán với Mỹ nhưng kiên trì giải thích, đồng thời thường xuyên thông báo diễn biến đàm phán cho bạn”* [11].

Tháng 02/1972, Tổng thống Mỹ Richard Nixon thăm Trung Quốc, ký Thông cáo Thượng Hải, tiếp đó vào tháng 5/1972 thăm Liên Xô, ký bốn hiệp định cơ bản về quan hệ Mỹ - Xô. Với Trung Quốc, *“chính quyền Nixon nêu chủ trương gắn việc giảm sự hiện*

diện quân sự của Mỹ ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, trong đó có lực lượng Mỹ ở Đài Loan, với quá trình giải quyết cuộc xung đột ở Việt Nam... Với Liên Xô, Nixon chủ trương đặt việc giải quyết vấn đề Việt Nam trong “cuộc mặc cả toàn cầu” [1, tr.234] giữa hai siêu cường. Đây là thời kỳ khó khăn nhất cho ta vì Mỹ đi vào hòa hoãn với Liên Xô, Trung Quốc nhằm ép hai nước giảm sự giúp đỡ Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn kiên định quan điểm độc lập, tự chủ. Điều này thể hiện rõ qua trao đổi của cố vấn Lê Đức Thọ tại cuộc gặp riêng với cố vấn Henry Kissinger trong phiên họp ngay sau chuyến đi cùng Nixon thăm Trung Quốc và Liên Xô của nhà ngoại giao này. Khi Henry Kissinger nêu câu hỏi thăm dò “Ngài cố vấn (Lê Đức Thọ) qua Bắc Kinh và Mát-xcơ-va chắc có nghe các bạn của Ngài thông báo ý kiến của chúng tôi trong cuộc đàm phán này?”, Lê Đức Thọ trả lời ngay: “Chúng tôi chiến đấu chống lại quân đội các ông và chúng tôi đàm phán với các ông tại bàn Hội nghị. Các bạn chúng tôi hết lòng ủng hộ nhưng không làm thay chúng tôi được” [11].

Những thắng lợi quân sự của ta trong các chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc và Đông Nam Campuchia năm 1971; đặc biệt là cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân Hè năm 1972 đã khiến quân Mỹ và quân đội Sài Gòn thiệt hại nặng nề, từng bước làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tạo thế thuận lợi cho ta trên bàn đàm phán của Hội nghị Paris. Khi thời cơ tới, ta quyết định đi vào đàm phán thực chất. Trong suốt quá trình đàm phán, “ta phát huy được độc lập tự chủ là do có đường lối chung đúng, ta tự điều hành chiến tranh, tự điều hành đàm phán, không để một sức ép bên ngoài nào tác động; ta hiểu chiến lược và con bài đàm phán, chỗ mạnh, chỗ yếu của Mỹ; về cơ bản ta nắm được chiều hướng chung của tình hình quốc tế; ngoại giao ta rút được kinh nghiệm lịch sử và có bước trưởng thành” [11]. Trong đó, Dự thảo Hiệp định về vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Dự thảo Thỏa thuận về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam do ta đưa ra trong diễn đàn đàm phán bí mật ngày 8/10/1972 đã “vượt ra ngoài dự đoán của các nhà thương lượng Mỹ, tạo cơ hội mới để đàm phán đi tới thỏa thuận về Hiệp định ngày 20/10/1972”. Sau đó phía Mỹ viện dẫn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa đổi bản dự thảo, đồng thời tiến hành cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác ở miền Bắc từ ngày 18 đến 30/12/1972, mưu toan dùng sức mạnh quân sự để ép ta trên bàn đàm phán. Cuộc tập kích bị thất bại thảm hại, đàm phán Paris được nối lại và trên tư thế người chiến thắng, phái đoàn Việt Nam đã kiên quyết đấu tranh giữ vững nội dung của dự thảo Hiệp định đã thỏa thuận.

Ngày nay, sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước kể từ năm 1986, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đây là “Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều đối tác quan trọng; tích cực, chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế,

nâng cao vị thế của đất nước. Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới” [16]. Song bên cạnh đó, chúng ta vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình hình quốc tế, khu vực với những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc và tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo giữa các nước trong khu vực (như Biển Đông, Biển Hoa Đông...) diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ và khó đoán định. Mặt khác, các vấn đề toàn cầu, an ninh phi truyền thống, vấn đề dân chủ và nhân quyền... ảnh hưởng không nhỏ đến độc lập, chủ quyền của các nước nhỏ và vừa, cần có đối sách thích hợp.

Trong bối cảnh mới, trí tuệ của ngoại giao Việt Nam sẽ vận dụng, phát huy bài học về quan điểm độc lập, tự chủ của Hiệp định Paris trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao bằng việc nhận thức đúng về xu thế của thời đại, về cục diện thế giới và khu vực để có những định hướng sáng suốt, chính sách đúng đắn và kịp thời nhằm xử lý các vấn đề quốc tế phù hợp với lợi ích đất nước. Cụ thể là: Tuyệt đối tin tưởng vào con đường cách mạng đúng đắn mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân đã lựa chọn, đồng thời giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước trong quá trình hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế. Kiên quyết giữ vững và thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết. Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tranh chấp đang tồn tại bằng biện pháp hòa bình. Nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc để đảm bảo nền độc lập, tự chủ bằng việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, khoa học và công nghệ, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh... của đất nước.

2. GIỮ VỮNG CÁC NGUYÊN TẮC ĐỐI NGOẠI TRÊN TINH THẦN “DĨ BẤT BIẾN ỨNG VẠN BIẾN”

Trong thời gian gần 5 năm, trong các phiên họp chung, công khai tại Hội nghị Paris cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, lập trường nhất quán của ta là luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh xâm lược của Mỹ trên hai miền Nam, Bắc Việt Nam; yêu cầu chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam của Mỹ; đòi Mỹ rút hết quân Mỹ và quân 5 nước đồng minh của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ra khỏi Việt Nam; đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam ra khỏi Việt Nam... Trong việc xử lý các tình

hướng cụ thể, chúng ta thể hiện sự linh hoạt nhưng không bao giờ từ bỏ các nguyên tắc mà Đảng ta đã đặt ra và kiên trì thực hiện.

Hiện nay, tinh thần “*bất biến*” thể hiện rõ nét trong nhiều lĩnh vực như ngoại giao, quốc phòng an ninh, đặc biệt là trong vấn đề chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông, Đảng và Nhà nước “*đã giữ vững quan điểm Việt Nam có chủ quyền không thể tranh cãi ở Biển Đông, trong đó có các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa...*”, tuy nhiên “*Trong từng điều kiện cụ thể, chúng ta có thể có thể linh hoạt thực hiện các biện pháp đấu tranh, bảo vệ chủ quyền sao cho phù hợp với luật pháp quốc tế và điều kiện thực tế của đất nước, ấy chính là “vạn biến”*” [15].

Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Biển Đông lại “*nổi sóng*” và nhân tố gây quan ngại vẫn là Trung Quốc. Với mục tiêu trở thành siêu cường và lãnh đạo thế giới, Trung Quốc ngày càng có những “*hành xử nước lớn*” trong quan hệ quốc tế và đơn phương, cứng rắn hơn trong quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, nhất là tham vọng mở rộng lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo... đã làm cho quan hệ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng, khu vực, trong đó có Việt Nam có những thời điểm “*căng thẳng*”².

Với tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam và trong một bối cảnh phức tạp như đã trình bày, tiếp tục một cách nhất quán tinh thần của các đại

² Đặc biệt, là việc liên quan đến vấn đề “*tranh chấp*” chủ quyền biển, đảo giữa Trung Quốc với Việt Nam, Philippines và một số nước, lãnh thổ ở Biển Đông; Nhật Bản ở Biển Hoa Đông. Ở Biển Đông, việc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) năm 2002 “*đáng tiếc là chỉ giữ cho các tranh chấp trong khu vực tương đối bình yên trong khoảng 5 năm. Từ năm 2007, căng thẳng giữa các nước có yêu sách ở Biển Đông bắt đầu nổi lên và ngày càng gay gắt trong mọi lĩnh vực, với Trung Quốc là trung tâm của hầu hết các sự vụ*” (Hà Anh Tuấn). Trung Quốc đơn phương tuyên bố chủ quyền “*Đường 9 đoạn*” (2009), thành lập thành phố “*Tam Sa*” (2013); cắt cáp tàu thăm dò dầu khí, ngăn cản, quấy nhiễu các tàu thăm dò dầu khí hợp pháp của Việt Nam và các đối tác (2011), hạ đặt giàn khoan HD - 981 (2014) trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam; đưa tàu sân bay ra Biển Đông; tự cải tạo các bãi đá chiếm được trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam thành các đảo nhân tạo với hạ tầng kỹ thuật, cả đường băng cho máy bay cất hạ cánh, cho máy bay dân sự cỡ lớn hạ cánh xuống sân bay xây dựng bất hợp pháp trên đá Chữ Thập (2016), bố trí tên lửa thuộc quần đảo Trường Sa (2018); triển khai hệ thống tên lửa và nhiều máy bay chiến đấu ra đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa và tiến hành nhiều cuộc tập trận bắn đạn thật, diễn tập cất hạ cánh máy bay tại đây (2018); ...Cùng thời gian, Đài Loan cũng tiếp tục cho xây dựng một số công trình trên đảo Ba Bình, đảo lớn nhất thuộc quần đảo Trường Sa. Tình hình căng thẳng vẫn không hề suy giảm khi Tòa Trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của UNCLOS 1982 đã ra phán quyết vụ Philippines kiện Trung Quốc (7/2016) ... Dẫn theo: *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 948-949 (bài viết của Hoàng Văn Hiến - Võ Trần Ngọc Minh); Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (Đồng Cb, 2018), *Thuật ngữ Quan hệ quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 388.

hội đại biểu Đảng toàn quốc và các hội nghị Trung ương trước đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (01 - 02/2021) khẳng định: *“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển...”* [2, tr.157]. Để thực hiện công cuộc bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo quốc gia của Việt Nam - trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong bối cảnh quốc tế hiện nay, chúng tôi thiết nghĩ Việt Nam cần tiếp tục kiên trì đấu tranh bằng biện pháp hòa bình trong các diễn đàn đa phương liên quan đến tranh chấp chủ quyền biển, đảo ở Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế, đặc biệt tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế về tính chính nghĩa của Việt Nam.

Là nước láng giềng với Trung Quốc, Lào và Campuchia, Việt Nam không thể dịch chuyển vị trí địa lý nhưng có thể làm thay đổi vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế đất nước bằng việc giữ vững được những mối quan hệ cân bằng với các nước lớn, đồng thời phải củng cố các mối quan hệ đa phương với ASEAN, song phương các nước ASEAN và rộng hơn là các cơ chế hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương như: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), ASEAN+1, ASEAN+3, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng (EAMF), Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS)... để cùng đối phó các sức ép từ bên ngoài. Là thành viên của Liên Hợp Quốc, của UNCLOS cũng như DOC, *“Việt Nam luôn tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế; kiên trì con đường giải quyết các vấn đề nảy sinh bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau; thông qua đàm phán, thương lượng, nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan vì độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, vì hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế”* [12]. Trên cơ sở luật pháp quốc tế, UNCLOS và 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, tăng cường nỗ lực xây dựng lòng tin, hợp tác đa phương về an ninh biển, nghiên cứu khoa học, chống tội phạm; cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh DOC, hướng tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC), Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình, đồng thời tôn trọng nguyên tắc không đe dọa dùng vũ lực hay dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh hải và *“trước sau như một chủ trương giải quyết bằng thương lượng hòa bình mọi tranh cãi giữa hai nước, đặc biệt là tranh chấp ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... thương lượng hòa bình là con đường đúng đắn nhất”* [4, tr.13-14], góp phần xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển giữa các bên liên quan. Tại các vùng biển hoàn toàn thuộc chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển, Việt Nam có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết, phù hợp với quy định của UNCLOS để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia.

Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng nhằm góp phần vừa giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hòa bình, ổn định trên Biển Đông, vừa duy trì sự ổn định chính trị - xã hội trong nước và môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế.

3. NẮM BẮT THỜI CƠ GIÀNH THẮNG LỢI TỪNG BƯỚC TIẾN TỚI GIÀNH THẮNG LỢI QUYẾT ĐỊNH. GIÀNH THẾ CHỦ ĐỘNG TRONG ĐÀM PHÁN, KIÊN TRÌ MỤC TIÊU ĐẤU TRANH. ĐÀM PHÁN ĐỂ TRANH THỦ DƯ LUẬN, TẬP HỢP LỰC LƯỢNG QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG VÀO NỘI BỘ ĐỐI PHƯƠNG NHƯNG PHẢI DỰA VÀO SỨC MÌNH LÀ CHÍNH

Thời cơ là tình thế xuất hiện trong một thời điểm nhất định có lợi nhất cho việc chủ động phát huy mọi sức mạnh để giành thắng lợi; là sự kết hợp hàng loạt nhân tố chủ quan (thực lực cách mạng) và khách quan (hoàn cảnh bên ngoài) khi điều kiện đã chín muồi. Hiệp định Paris năm 1973 đã cho chúng ta một nhận thức sâu sắc rằng: *"Đánh kẻ thù mạnh, con đường giành thắng lợi bao giờ cũng gian nan khúc khuỷu. Nghệ thuật đàm phán là biết gắn đàm phán với cục diện trên chiến trường và xu thế quốc tế để từ đó phát hiện, nắm thời cơ, giành thắng lợi từng bước. Mục đích giành thắng lợi từng bước là nhằm cải tiến thế trận, góp phần thay đổi so sánh lực lượng có lợi để bước sang giai đoạn đấu tranh mới"* [11].

Cuộc Hội đàm Paris về cơ bản diễn biến qua 4 giai đoạn chủ yếu: Đàm phán giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ (5-11/1968); giảng hòa quyết liệt trên chiến trường, trên bàn đàm phán và cả trên mặt trận tranh thủ quốc tế (đầu năm 1969 - giữa năm 1972); hai bên *"vừa đánh, vừa đàm"*, ta mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tiếp tục tấn công ở bàn đàm phán và tăng cường vận động quốc tế (6/1972 - cuối năm 1972); ta làm thất bại thủ đoạn lật ngược thế trận trên chiến trường và đàm phán, buộc địch phải ký Hiệp định Paris (cuối năm 1972 - 01/1973) [5, tr.11-12]. Trong quá trình thực hiện phương châm *"vừa đánh, vừa đàm"* tại Hội nghị Paris, Việt Nam có bốn lần giành thắng lợi từng bước, đấy là: Ép Mỹ hạn chế ném bom miền Bắc; buộc Mỹ chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc (10/1968); ép Mỹ đơn phương rút dần quân Mỹ về nước (1969 - 1971); buộc Mỹ ký hiệp định, chấm dứt chiến tranh (1972 - 1973) [11]. Để có được thắng lợi, đòi hỏi những nhà ngoại giao Việt Nam phải tính toán, xác định đúng nguyên tắc để bảo đảm yêu cầu, đồng thời phải tìm *"con bài sách lược"* thỏa đáng để kéo đối phương đi vào thỏa hiệp.

Là thắng lợi một bước vì đã buộc Mỹ chấm dứt chiến tranh, rút hết quân, nhưng thắng lợi của Hiệp định Paris *"là thắng lợi tổng hợp của ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, là thắng lợi có ý nghĩa quyết định đối với chiều hướng và kết cục của chiến tranh, mở đường cho toàn thắng mùa Xuân 1975"* [11].

- Cuộc đàm phán Paris là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai nền ngoại giao: Ngoại giao lâu năm, chuyên nghiệp trên thế mạnh của Mỹ và ngoại giao nhân văn nhưng còn non trẻ của Việt Nam. Bởi vậy, trong quá trình đàm phán, giữ được thế chủ động, kiên trì mục tiêu đề ra là mối quan tâm lớn của Đảng ta trong nghệ thuật đàm phán với Mỹ. Về vấn đề này, nhà nghiên cứu kỳ cựu về ngoại giao Việt Nam Nguyễn Khắc Huỳnh đã nhận định: *"Để tranh thủ thế chủ động trong đàm phán, ta vận dụng tư*

tuông đánh lâu dài, không chịu sức ép nào, kiên trì đấu tranh, lại biết xoay vào thế yếu của đôi phương là Mỹ bị sa lầy ở Việt Nam và lại chịu nhiều sức ép... nên phải tìm cách kết thúc sớm chiến tranh, để tranh thủ thế chủ động trong đàm phán. Như vậy, về bài bản, bước đi, thời cơ chuyển giai đoạn từ bắt đầu đến kết thúc đàm phán... đều do ta quyết định trên cơ sở gắn đàm phán với cục diện trên chiến trường, tình hình quốc tế và nội bộ nước Mỹ” [11].

- Một thành công lớn của cuộc đàm phán Paris là chúng ta đã quán triệt phương châm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, gắn cuộc đấu tranh với Mỹ tại bàn đàm phán với phong trào rộng lớn của nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam. Ta đã đặt đúng yêu cầu và thực hiện cho được việc sử dụng đàm phán để tranh thủ dư luận thế giới, tập hợp lực lượng quốc tế và tác động đến nội bộ nước Mỹ, qua đó đã góp phần vào việc mở rộng, tăng cường mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chính nghĩa, đồng thời thúc đẩy lực lượng chủ hòa trong chính giới Mỹ và cổ vũ mạnh mẽ phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh. Hiệp định Paris do vậy là “*niềm cổ vũ lớn lao đối với nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, những người đã đồng hành ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, đổi theo từng diễn biến trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán tại Paris... là sự minh chứng hùng hồn cho chân lý “đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo”, củng cố niềm tin của nhân dân yêu chuộng hòa bình và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa”³.*

- Bên cạnh việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, chúng ta luôn xác định phải dựa vào sức mình là chính. Việt Nam đã biết phát huy chỗ mạnh cơ bản là thế chính nghĩa của dân tộc, cơ sở pháp lý là Hiệp định Genève năm 1954, xoay sâu vào chỗ yếu cơ bản của Mỹ là tiến hành một chiến tranh xâm lược phi nghĩa và ở vào thế sớm muộn buộc phải rút khỏi Việt Nam. Với trí tuệ và bản lĩnh đó, chúng ta không chịu sức ép nào và thuận lợi để phát huy quyền chủ động, đánh bại chính sách đàm phán trên thế mạnh của Mỹ. Nói khác đi, Việt Nam thắng Mỹ theo cách của Việt Nam. Rõ ràng nếu bản thân chúng ta không tự lực, tự cường thì không thể có thắng lợi Hiệp định Paris, cũng không thể đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân loại tiến bộ.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chúng ta đã và đang đứng trước những thời cơ, vận hội, đấy là: Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển tạo cơ hội cho Việt Nam giữ vững ổn định để phát triển đất nước; việc tiếp thu những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên những nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội; những thành tựu của công cuộc đổi mới tạo nền tảng và vận hội quan trọng cho việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho việc giao lưu, tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, đồng thời tiếp tục phát huy những giá trị

³ Phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Tlđđ.

văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc... Song bên cạnh đó, cũng xuất hiện những thách thức, nguy cơ thực sự đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vì vậy, *“vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay là cần nhận diện rõ và có những chiến lược hợp lý, tận dụng được những thời cơ, khắc chế nguy cơ nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập và phát triển”* [10].

Trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chủ quyền trên Biển Đông của Việt Nam hiện nay, ngoài việc tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, sâu xa hơn, để đảm bảo giữ vững an ninh, chủ quyền biển đảo đất nước, không còn sự lựa chọn nào khác cho dân tộc Việt Nam là phải vươn lên thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế bằng việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm nếu Việt Nam không muốn mất đất, mất biển, mất trời. Mặt khác, xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ biển đảo vững mạnh về mọi mặt làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất và khai thác tài nguyên biển, nghiên cứu biển. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục và đào tạo về biển, đảo và bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sự ủng hộ của bạn bè quốc tế chỉ thực sự trở thành sức mạnh vật chất khi có sự kết hợp với sức mạnh nội lực Việt Nam. Một lần nữa bài học của Hiệp định Paris cho chúng ta thấy việc *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, là quy luật thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

4. KẾT HỢP ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO VỚI ĐẤU TRANH QUÂN SỰ, CHÍNH TRỊ, VẬN DỤNG PHƯƠNG THỨC “VỪA ĐÁNH VỪA ĐÀM”

Hiệp định Paris là một thắng lợi của cách mạng Việt Nam trên mặt trận ngoại giao nhưng là thắng lợi chung về thắng lợi trên mặt trận chính trị, quân sự.

Do đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam và đặc điểm thời đại, để đánh thắng Mỹ, chúng ta phải chiến đấu trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Ngay từ đầu cuộc chiến tranh, để phát huy tốt vai trò của ngoại giao hỗ trợ chiến trường, Trung ương Đảng đã tính đến phương thức *“vừa đánh vừa đàm”* và cuộc đàm phán Paris là đỉnh cao của sự vận dụng phương thức này.

Ngoại giao và đàm phán làm nhiệm vụ thường xuyên tấn công địch, góp phần tranh thủ dư luận, cô lập kẻ thù, hỗ trợ chiến trường. Mỗi bước phát triển của từng hoạt động lớn trên chiến trường đều luôn có đàm phán phối hợp, trong đó, ta kiên trì mục tiêu đàm phán và luôn tìm cách giành thế chủ động trong đàm phán. Và ngược lại, *“nếu không có từng chiến thắng ở các chiến dịch, trận đánh cụ thể thì Mỹ không bao giờ chịu ngồi vào bàn đàm phán, hoặc không bao giờ từ bỏ các yêu sách phi lý của mình. Trong đó,*

thắng lợi ở trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 đã bẻ gãy hoàn toàn ý chí xâm lược của Mỹ và buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán cũng như chấp nhận các đề nghị của Việt Nam” [15].

Ngày nay, chiến tranh đã qua đi và vết thương chiến tranh từng ngày được hàn gắn trên đất nước Việt Nam. Trong thời bình, vận dụng bài học nói trên, trong các cuộc đàm phán quốc tế song phương và đa phương, Việt Nam cần thể hiện vị thế trên nhiều lĩnh vực, nhất là chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục và cả quốc phòng, an ninh ... Chẳng hạn, trong các cuộc đàm phán thương mại song phương, khi có đối tác đưa ra các yêu sách phi lý về nhân quyền, về các vấn đề nội bộ, về nền kinh tế thị trường... bên cạnh việc kiên trì giải thích, thuyết phục, chúng ta cần chứng minh bằng các lý lẽ và các thành tựu cụ thể trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam, về uy tín của đất nước trên trường quốc tế, về tính hội nhập và đặc điểm thị trường của nền kinh tế...[15].

Trong bối cảnh mới, việc kết hợp chặt chẽ ngoại giao với kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng..., phối hợp nhịp nhàng với đối ngoại Đảng, ngoại giao nhân dân dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước sẽ “góp phần gia tăng sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp thành công sức mạnh của đất nước với sức mạnh của thời đại, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đối ngoại được Đảng giao phó” [14].

5. TÔN TRỌNG CÁC CAM KẾT NHƯNG LUÔN CẦN TRỌNG, NÂNG CAO TINH THẦN CẢNH GIÁC ĐỂ CHỦ ĐỘNG ĐỐI PHÓ VỚI MỌI TÌNH HUỐNG

Ngay trước Hiệp định Paris và sau khi Hiệp định ký chưa ráo mực, chính quyền Sài Gòn đã liên tiếp vi phạm Hiệp định. Ngày 23/01/1973, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành Công điện số 004-TT/CD gửi Thủ tướng Chính phủ, các đô, tỉnh, thị trường, Tổng Tham mưu trưởng và tư lệnh các quân đoàn, quân khu “ra lệnh treo cờ trên toàn quốc” nhằm “tràn ngập lãnh thổ bằng cờ quốc gia để xác nhận phân đất và phân dân”. Cùng ngày, thực hiện công điện trên, Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn ra lệnh cho quân đội Sài Gòn thực hiện chiến dịch “Tràn ngập lãnh thổ”. Chỉ trong đêm 27/01 đến rạng ngày 28/01/1973, quân đội Sài Gòn đã thực hiện 15 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên và 19 cuộc hành quân cấp tiểu khu và chi khu. Mặt khác, khi đã có bản Dự thảo Hiệp định Paris trong tay, Ủy ban liên bộ điều hợp ngừng bắn của chính quyền Sài Gòn tiến hành phân tích từng câu chữ nhằm tìm kiếm “kẽ hở” để “lách luật”⁴. Từ sau Chiến dịch Tràn ngập lãnh thổ là hàng loạt kế hoạch

⁴ Nguyễn Văn Bạo (2011), Vài nét về sự phá hoại Hiệp định Paris của chính quyền Sài Gòn”; Website: <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/vai-net-ve-su-pha-hoai-hiep-dinh-paris-cua-chinh-quyen-sai-gon-438984>. Truy cập ngày 26/11/2022.

quân sự như Hùng Vương, Lý Thường Kiệt (1973 - 1974) và kế hoạch toàn diện lâu dài (1973 - 1978) của chính quyền Thiệu nhằm nhanh chóng bình định miền Nam Việt Nam... Trước những âm mưu, thủ đoạn nói trên, chúng ta đã có nhiều giải pháp đối phó hữu hiệu với những hành động cụ thể về mặt chính trị, quân sự để từng bước làm phá sản các kế hoạch của địch, tiến đến đánh đổ hoàn toàn chế độ Sài Gòn (4/1975)...

Ngày nay, Việt Nam đã và đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống quốc tế. Chúng ta đã là thành viên chính thức của ASEAN, APEC, ASEM và WTO cũng như nhiều định chế tài chính như WB, ADB, IMF... Năm 2020, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc; thiết lập khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với 30 đối tác chiến lược và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam cùng các nước nâng tầm hợp tác vì lợi ích của mỗi nước và vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, ta đã có quan hệ thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ ở khắp các châu lục; hơn 110 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt Nam, đáng chú ý là các nước phát triển: Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản - Hàn Quốc và doanh nghiệp Việt Nam đã có dự án đầu tư ở trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam ký kết nhiều thỏa thuận, hiệp định, hiệp ước song phương, đa phương với nhiều đối tác. Đây là một thành tựu quan trọng của việc thực hiện chính sách đối ngoại đổi mới, đưa Việt Nam trở thành quốc gia bình đẳng trong thương mại với các nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, *“không tránh khỏi những cách hiểu khác nhau, sự vận dụng khác nhau vào từng thời điểm, thậm chí có cả những âm mưu, thủ đoạn phá hoại. Do đó, bài học cảnh giác vẫn phải luôn được thực hiện một cách thường xuyên và triệt để”* [15].

Đặc biệt, chính sách đối ngoại của Việt Nam được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) mang tính toàn diện và bao trùm, phản ánh nhận thức và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với thực tiễn phát triển của thời đại, với cục diện thế giới, khu vực và môi trường an ninh - đối ngoại, trong đó *“có việc xác định rõ “đối tác” và “đối tượng” với sự kế thừa và tiếp nối chính sách đối ngoại nhất quán mà Việt Nam tiến hành từ khi bắt đầu đổi mới đến nay”* [9].

6. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGOẠI GIAO ĐỦ TÂM, ĐỦ TẦM ĐỂ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Có thể nói, nguyên nhân thắng lợi của việc ký Hiệp định Paris năm 1973 là tổng hòa của các nhân tố, trong đó vai trò của các nhà ngoại giao vô cùng quan trọng. Hội nghị Paris là cuộc đấu trí, đấu bản lĩnh quyết liệt giữa nền ngoại giao non trẻ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nền ngoại giao lão luyện của Mỹ - một trong hai siêu cường thế giới lúc đó.

Để có bản Hiệp định lịch sử nói trên, ngoài việc kiên định đường lối, chiến lược mà Đảng đề ra, Việt Nam chuẩn bị kỹ càng, hết sức chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cả về bản lĩnh cách mạng và kiến thức mọi mặt để hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Lịch sử dân tộc Việt Nam đã sản sinh ra nhiều nhà ngoại giao kiệt xuất, tiêu biểu cho lòng yêu nước, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, tài trí và phong cách, nghệ thuật ngoại giao. Kế tục truyền thống đấu tranh ngoại giao của cha ông, đặc biệt là các bài học kinh nghiệm của giai đoạn 1945 - 1946 và của Hiệp định Genève năm 1954, *“đội ngũ cán bộ ngoại giao đã không ngừng lớn mạnh thông qua các hoạt động tranh thủ dư luận quốc tế, hỗ trợ chiến trường chống “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ, góp phần đưa tới thắng lợi Tết Mậu Thân 1968, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, xuống thang chiến tranh, đi vào đàm phán, kết thúc chiến tranh bằng một giải pháp chính trị”* [14]. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh *“đã tổ chức một đoàn đàm phán bao gồm các cán bộ chính trị, ngoại giao, quân sự, luật pháp, báo chí, tuyên truyền ... tạo thành một tập thể đoàn kết nhất trí có đủ trí tuệ, bản lĩnh và văn hóa chính trị, năng lực và nghiệp vụ để đàm phán với Mỹ”*⁵ dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam. Đây là những tên tuổi như các trưởng đoàn Xuân Thủy, Nguyễn Thị Bình, cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ... đã đấu tranh kiên trì, kiên quyết và thắng lợi trước những nhà ngoại giao kỳ cựu nổi tiếng của Mỹ như Đại sứ A. Harriman, cố vấn đặc biệt Henry Kissinger... Sau này chính Henry Kissinger đã phải thừa nhận rằng: *“khi họ (những nhà ngoại giao Việt Nam - TG) đối diện với người đại diện của cường quốc hùng mạnh nhất thế giới, họ tỏ ra tinh tế, kỷ luật và kiên nhẫn biết bao”* [7, tr.329]. Lịch sử ngoại giao Việt Nam hiện đại cũng không quên trong cuộc họp ngày 08/01/1973, *“Lê Đức Thọ đã phê phán Mỹ khá nặng lời suốt một tiếng đồng hồ. Đoàn Mỹ ngồi chịu trận”*[11].

Kế tục và phát huy truyền thống vẻ vang của ngoại giao Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, ngoại giao tiếp tục là một “mặt trận”, trong đó các cán bộ ngoại giao là những “người chiến sĩ”, góp phần tích cực trong việc xây dựng, nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia - dân tộc trong nền chính trị, kinh tế, văn hóa của khu vực và toàn cầu. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang này, *“bên cạnh tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các trụ cột, cơ quan đối ngoại, một trong những điều cốt yếu là cần có đội ngũ cán bộ đối ngoại toàn diện về bản lĩnh, phẩm chất và trí tuệ, hiện đại về phong cách và phương pháp làm việc, đổi mới, sáng tạo, ngang tầm với thời đại. Trước yêu cầu mới về xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, cần tiếp tục đặc biệt coi trọng công tác cán bộ đối ngoại, nhất là cơ chế,*

⁵ Nguyễn Đình Luân (2002), “Góp phần tìm hiểu vấn đề thời cơ trong quá trình đàm phán Việt - Mỹ ở Hội nghị Pari”, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 6(49) 12-2002, tr.53.

chính sách và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại toàn diện về phẩm chất, trình độ và năng lực”⁶ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực.

Mặt khác, ngành ngoại giao và nhà ngoại giao Việt Nam cần phát huy truyền thống chủ động, sáng tạo trong đối ngoại, đề xuất nhiều sáng kiến thiết thực, tăng cường công tác nghiên cứu dự báo, phát hiện thời cơ và lường trước thách thức để có giải pháp phù hợp liên quan đến sự phát triển và an ninh của đất nước. Qua đó, đáp ứng yêu cầu triển khai thành công đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Gần 50 năm trôi qua kể từ ngày Hiệp định Paris được ký kết. Ngày nay tình hình quốc tế đã có nhiều biến chuyển, đổi thay nhưng những bài học về nghệ thuật đàm phán Paris - *pho sách lớn về ngoại giao Việt Nam* vẫn luôn sống động và có giá trị thực tiễn nóng hổi. Và việc phát huy tinh thần Hội nghị Paris cũng như vận dụng sáng tạo các bài học của Hội nghị trong bối cảnh mới, nhiệm vụ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã và đang được Đảng, Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm với những quan điểm, đường lối chỉ đạo và những hoạt động triển khai cụ thể, thiết thực, hiệu quả, nhằm góp phần xứng đáng vào việc tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đình Bin (Cb, 2005), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Hoàng Văn Hiến (Cb) - Nguyễn Viết Thảo (2006), *Giáo trình Lịch sử quan hệ quốc tế (1945 - 1995)*, Nxb Đà Nẵng.
- [4]. Hoàng Văn Hiến (2014), “Vươn lên thành quốc gia mạnh về biển để bảo vệ chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa”, *Tạp chí Nhân quyền Việt Nam*, số 6.
- [5]. Nguyễn Phúc Luân (2002), “Hiệp định Paris về Việt Nam - 30 năm nhìn lại”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 6(49) 12-2002.

⁶ Bùi Thanh Sơn, “Đường lối đối ngoại Đại hội Đảng XIII kế thừa, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”, Website: <https://dangcongsan.vn/thoi-su/duong-loi-doi-ngoai-dai-hoi-dang-xiii-ke-thua-phat-trien-va-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi-598434.html>. Truy cập ngày 24/11/2022.

- [6]. Nguyễn Phúc Luân (Cb, 2001), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.
- [7]. Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ (2002), *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris*, Nxb Công an Nhân dân - Công ty Văn hóa phương Nam, Hà Nội.
- [8]. Trần Đôn (2022), “Hội nghị Pari - Một thắng lợi về quân sự và chính trị của Việt Nam”; Webside: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nhan-vat-su-kien/item/2516-hoi-nghi-pari-mot-thang-loi-ve-quan-su-va-chinh-tri-cua-viet-nam.html>. Truy cập ngày 15/11/2022.
- [9]. Phạm Quang Minh - Nguyễn Hồng Hải (2021), “Vấn đề “đối tác” và “đối tượng” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: Từ nhận thức đến thực tế”; Webside: https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/van-de-doi-tac-va-doi-tuong-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-tu-nhan-thuc-den-thuc-te. Truy cập ngày 19/10/2021.
- [10]. Nguyễn Chí Hiếu (2019), “Về những thời cơ và thách thức đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay”; Webside: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/oi-ngoai2/-/2018/504329/ve-nhung-thoi-co-va-thach-thuc-doi-voi-su-nghiep-xay-dung-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-trong-boi-can-h-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te-hien-nay.aspx>. Truy cập ngày 26/11/2022 .
- [11]. Nguyễn Khắc Huỳnh (2008), “Hiệp định Pa-ri về Việt Nam: Những bài học ngoại giao”; Webside: <https://www.tapchicongsan.org.vn/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/914/hiiep-dinh-pa-ri-ve-viet-nam--nhung-bai-hoc-ngoai-giao.aspx>. Truy cập ngày 10/11/2022.
- [12]. Nguyễn Thanh Long (2021), “Một số giải pháp bảo vệ chủ quyền biển đảo trong tình hình mới”, <http://tapchiqptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/mot-so-giai-phap-bao-ve-chu-quyen-bien-dao-trong-tinh-hinh-moi/17924.html>. Truy cập ngày 10/9/2022
- [13]. Phạm Bình Minh (2013), “Hội nghị Paris và những bài học quý giá cho ngoại giao Việt Nam”; Webside:<https://baochinhphu.vn/hoi-nghi-paris-va-nhung-bai-hoc-quy-gia-cho-ngoai-giao-viet-nam-102137793.htm>. Truy cập ngày 10/11/2022.
- [14]. Vân Tâm (2021), Những bài học lớn từ Hiệp định Paris năm 1973; Webside: <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nhung-bai-hoc-lon-tu-hiep-dinh-paris-nam-1973-1491874040>. Truy cập ngày 10/11/2022.
- [15]. “Tu tưởng Hồ Chí Minh về độc lập, tự chủ trong đối ngoại, đoàn kết quốc tế hiện nay” (2018), Webside: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/823631/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-doc-lap%2C-tu-chu-trong-doi-ngoai%2C-doan-ket-quoc-te-va-viec-van-dung-trong-tinh-hinh-hien-nay.aspx>. Truy cập ngày 24/11/2022.

**LESSONS FROM THE 1973 PARIS AGREEMENT ON VIETNAM
AND THEIR APPLICATION TO THE INTERNATIONAL INTEGRATION IN THE
CONTEXT OF THE COUNTRY'S INNOVATION FROM 1986 TO THE PRESENT**

Hoang Van Hien¹, Vo Tran Ngoc Minh²

¹ University of Sciences, Hue University

² Hue University

Email: hvhien@hueuni.edu.vn, vtnminh@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The 1973 Paris Agreement on ending the war and restoring peace in Vietnam was the culmination of the diplomatic struggle in the battle for national liberation.

Reviewing the historical event of the Paris Agreement through the independent analysis, interpretation, and evaluation of issues, this article is to draw important lessons which can be applied to the current situation of international relations in Vietnam.

Keywords: 1973 Paris Agreement, Vietnam, application.



Hoàng Văn Hiến sinh ngày 02 tháng 8 năm 1962. Ông tốt nghiệp cử nhân năm 1988 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và nhận học vị tiến sĩ năm 2001 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2009, ông nhận học hàm phó giáo sư. Hiện nay ông công tác tại Trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế, lịch sử Việt Nam và văn hóa học.



Võ Trần Ngọc Minh sinh ngày 22 tháng 3 năm 1981 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp cử nhân khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2003 và tốt nghiệp thạc sĩ tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2014. Hiện nay, bà công tác tại Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam, Quan hệ quốc tế của Việt Nam, Lịch sử Thế giới.